

Bản án số: 19/2021/DS-PT

Ngày: 31/8/2021

V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trịnh Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử - TAND tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLPT-DS ngày 17/11/2020 về “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐ-PT ngày 09/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S; trú tại: tổ dân phố 7, phường Hà Huy T, TP.Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Xuân L; trú tại: tổ dân phố 7, phường Hà Huy T, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Bị đơn: Bà Dương Thị H; trú tại: tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Y; trú tại: tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đình H; trú tại: tổ dân phố 1, phường Hà Huy T, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị H; trú tại: tổ dân phố 1, phường Hà Huy T, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T; trú tại: số 05, ngách 02, ngõ 549, đường Trần P, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

4. Ông Trần Đình U; trú tại: số 05, ngách 02, ngõ 549, đường Trần P, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn Đ; trú tại: tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

6. Bà Nguyễn Thị V; trú tại: xã Thạch X, huyện Thạch T, TP.Hà Nội (*vắng mặt*)

7. Bà Nguyễn Thị Thanh T; trú tại: phường Noong B, TP.Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt*)

8. Bà Nguyễn Thị Kim L; trú tại: xã Hương C, huyện Bình X, tỉnh Vĩnh Phúc (*vắng mặt*)

9. Bà Nguyễn Thị H; trú tại: tổ 1, phường Noong B, TP.Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt*)

10. Bà Nguyễn Thị A; trú tại: số nhà 42, đường 19, tổ dân phố 01, phường Noong B, TP.Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H:

Ông Nguyễn Hữu Q; trú tại: thôn T, xã Thạch X, huyện Thạch T, TP.Hà Nội (*vắng mặt*)

11. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; địa chỉ: 108 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê H H; địa chỉ: số 82 đường Phan Đình P, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*)

Người làm chứng

1. Ông Nguyễn Mạnh Đ; trú tại: số 433 đường Trần , TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*)

2. Ông Nguyễn Thanh t; trú tại: số 129 đường Lê Huy T, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*)

3. Ông Nguyễn Văn L; trú tại: số 09, ngõ 116 đường Hà Tông C, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*)

4. Ông Nguyễn Văn H; trú tại: số 02 ngách 04 ngõ 32 đường Hà Tông C, TP.Hà T, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt*)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại nội dung đơn khởi kiện và những lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn C (đã mất năm 1945) và bà Nguyễn Thị H (đã mất năm 1968) có 03 người con chung là ông Nguyễn Văn Đ (đã mất năm 2018), ông Nguyễn Văn L (đã mất năm 1968) và bà Nguyễn Thị S. Khi còn sống, ông C và bà Hai tạo lập được 01 thửa đất tại xóm Đông V, xã Thạch T, thị xã Hà Tĩnh (nay là nhà thờ họ Nguyễn Văn tại tổ dân phố 2, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh). Đến năm 1956, gia đình đã đổi thửa đất này cho ông Nguyễn Văn T (anh trai của bà H) lấy thửa đất tại xóm Yên H, xã Thạch L, thị xã Hà Tĩnh để sinh sống (nay là thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02 tại TDP 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T). Cũng trong thời gian đó, ông Đ đã xây dựng 01 căn nhà 03 gian bằng gỗ và 02 gian nhà bằng tre trên thửa đất này nhưng sau đó ông Đ chuyển công tác và sinh sống tại Lai Châu nên không ở trên thửa đất này. Năm 1966, ông L kết hôn với bà Dương Thị H, đến năm 1968 ông hi sinh ngoài chiến trường. Trên thửa đất này chỉ có bà

H, bà S và bà H sinh sống. Năm 1968, bà H mất không để lại di chúc. Bà S cũng đã đi lấy chết và ở nơi khác, lúc này thửa đất chỉ có bà H quản lý, sử dụng cùng 02 người con của bà H. Ngày 20/7/1998, UBND thị xã Hà Tĩnh (nay là UBND TP.Hà Tĩnh) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K023910, đối với thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² mang tên Dương Thị H. Ngày 20/10/2005, bà H tự ý chuyển nhượng một phần diện tích đất là 259m² cho ông Trần Đình U, bà Nguyễn Thị T và đã được UBND thị xã Hà Tĩnh lúc đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD022585. Diện tích đất còn lại, năm 2017 Nhà nU thu hồi để quy hoạch xây dựng đường vành đai khu đô thị Bắc TP.Hà Tĩnh và đã đền bù cho bà H số tiền 1.368.000.000 đồng. Số tiền này, bà H đã sử dụng để mua 03 thửa đất tái định cư gồm: 02 thửa đất tại khu quy hoạch H đường vành đai Vincom Hà Tĩnh lô số 07, 08 với diện tích 280,6m² và thửa đất số 07, diện tích 138,9m² tại tổ 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T. Việc bà H tự ý kê khai và được Nhà nU cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ bà S thì bà S không biết, mãi đến năm 2017 thì bà S mới biết được.

Tài sản trên là của ông C, bà H, khi ông bà chết đã không để lại di chúc. Vì vậy, bà S đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² cho những người thừa kế ưu tiên được nhận thửa đất số 07, tại khu tái định cư Vincom, vị trí 2, tổ dân phố 7, phường Hà Huy T, để làm nơi thờ tự, còn thửa đất số 08 chỉ yêu cầu chia số tiền bán thửa đất trên theo giá của Hội đồng định giá tài sản. Đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông U, bà Thu, bà S không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai của bị đơn bà Dương Thị H và những lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 1966, sau khi kết hôn với ông Liệu, bà H về sống với bà H và ông L tại xóm Đông V, xã Thạch T, thị xã Hà Tĩnh (nay là TDP 2, phường Nguyễn D). Sau đó, ông Đào chuyển công tác và sinh sống tại Lai Châu, bà S lấy chồng khác. Thời gian đó, bà H đã dựng 01 căn lều bằng tre, nứa lá sinh sống cùng bà Hai tại thửa đất ở xóm Yên H, xã Thạch L, thị xã Hà Tĩnh (nay là thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² thuộc TDP 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh). Lúc này, ruộng đất đang bỏ hoang và chưa được giao cho ai. Sau khi bà Hai, ông Liệu mất, bà H tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi bị Nhà nU thu hồi. Năm 1994, bà H mua 02 gian nhà gỗ của ông Hòa (tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D) để sinh sống và làm nơi hương khói cho bố mẹ chồng và chồng. Năm 1997, bà H xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4. Năm 1998, thực hiện Nghị định 64 của Chính phủ về việc rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Năm 1998, bà H được UBND thị xã Hà T (nay là UBND TP.Hà T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K023910, thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m². Năm 2005, bà H bán cho ông U, bà T diện tích 259m² đất. Năm 2012, bà H bị Nhà nU thu hồi 684m² và được bồi thường số tiền 2.017.391.322 đồng (trong đó tiền đất là 1.368.000.000 đồng) và được bố trí 03 thửa đất tái định cư, 02 thửa đất với diện tích 280,5m² tại khu tái định cư Vincom (tổ dân phố 7, phường Hà Huy T, TP.Hà T) và 01 thửa đất số 07 (tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh). Theo bà

H đây là đất Nhà nU cấp cho bà, không phải là di sản thừa kế của ông C, bà Hai. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 697, tờ bản đồ số 2, tại xóm Yên H, xã Thạch L, thị xã Hà T (nay là tổ 6, phường Nguyễn D, TP.Hà T) là di sản của ông C, bà Hai để lại, khi Ct đã không để lại di chúc, do đó đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với 684m² đất cho những người liên quan được hưởng kỷ phần, hợp nhất với kỷ phần của nguyên đơn, ưu tiên lấy đất để làm nơi thờ tự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hùng có làm đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Trần Thị H với ông Đ, bà Y là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án đang xem xét để thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông, ngày 11/9/2020 ông H có đơn đề nghị xin rút yêu cầu khởi kiện trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2005, ông Trần Đình U, bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xóm Yên H, xã Thạch L, thị xã Hà Tĩnh (tổ 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh) từ bà H, quá trình chuyển nhượng thửa đất thực hiện theo quy định pháp luật. Khi chuyển nhượng, ông U, bà T hoàn toàn không biết thửa đất hiện đang có tranh chấp với bà S. Năm 2008, thửa đất này bị Nhà nU thu hồi để làm đường. Năm 2017, thì được bồi thường số tiền khoảng 600.000.000 đồng và được hỗ trợ tái định cư tại 01 thửa đất có diện tích 140m² tại khu tái định cư Vincom, vị trí số 2, thuộc tổ 7, phường Hà Huy T, TP.Hà Tĩnh. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu chia số tiền bán đất của ông U, bà Thu. Ông U, bà Thu đồng ý và không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – ông Lê H H trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Y đang nợ ngân hàng số tiền 750.000.000 đồng, thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 07, khu tái định cư Vincom, vị trí tại TDP 7, phường Hà Huy T, TP.Hà Tĩnh, hiện ngân hàng chưa yêu cầu xử lý số nợ trên.

Quá trình xác minh tại UBND phường Thạch L, TP.Hà Tĩnh về nguồn gốc thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh:

Thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh trU năm 1995 không có hồ sơ lưu trữ việc thửa đất đang tranh chấp cấp cho ai. Bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 của xã Thạch L, vị trí thửa số 52, tờ bản đồ số 03, diện tích 400m² (bản đồ 299 của xã Thạch L không có loại đất, chủ sử dụng đất, không có sổ mục kê), bản đồ 371 đo vẽ năm 1995 vị trí thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m², mã loại đất “T”, sổ mục kê mang tên Dương Thị H. Bà Dương Thị H sử dụng ổn định, liên tục thửa đất trên từ trU 1980. Thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản

xuất đất nông nghiệp. Bà H làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được xóm Yên H, xã Thạch L lập hồ sơ, niêm yết công khai, dân chủ. Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, UBND phường Thạch L không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện gì. Ngày 20/7/2018, UBND thị xã Hà T (nay là TP.Hà T) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K023910 cho bà Dương Thị H. Quá trình sinh sống, bà H đã xây dựng nhà cấp 4. Năm 2005, bà H có chuyển nhượng một phần diện tích đất là 259m² đất cho vợ chồng ông Trần Đình U, bà Nguyễn Thị T nhưng UBND phường Thạch L cũng không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại gì. Về hồ sơ cấp đất cho bà Dương Thị H, hiện tại UBND phường Thạch L, TP.Hà Tĩnh không còn lưu trữ.

Qua xác minh nguồn gốc thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh:

Năm 2007, UBND phường Nguyễn D được thành lập trên cơ sở chia tách, sát nhập một phần của 05 phường, xã. Trong đó có xóm Yên Hòa, xã Thạch L (nay là tổ 6, phường Nguyễn D), căn cứ bản đồ số 371 đo vẽ năm 1995 vị trí thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m², mã loại đất “T”, sổ mục kê mang tên Dương Thị H. Theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 của xã Thạch L, thửa đất trên có vị trí tương ứng vị trí thửa số 52, tờ bản đồ số 03, diện tích 400m² (bản đồ 299 của xã Thạch L không có loại đất, chủ sử dụng đất, không có sổ mục kê). Bà H ăn ở, sử dụng ổn định từ năm 2007 đến năm 2012, khi UBND TP.Hà T thu hồi đất của bà H để đầu tư xây dựng công trình:đường vành đai khu đô thị Bắc TP.Hà Tĩnh. UBND phường Nguyễn D không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại gì của ai liên quan đến thửa đất bà H.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 282 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, 623 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 2 Luật đất đai 1993; điểm a khoản 7 Điều 26, điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Dương Thị H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Đình U, ông Lê H H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² (khi thu hồi 684m²) tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trU khi nghị án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị H vắng mặt đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y tham gia giải quyết vụ án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H vắng mặt, đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Q tham gia, tuy nhiên ông Q vắng mặt; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Đình U, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – ông Lê H H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Cấp sơ thẩm đã xác định thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện, di sản tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã đúng quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo đó, thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02 có diện tích 943m² (tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh mang tên Dương Thị H. Theo bản đồ 299, đo vẽ năm 1985 của xã Thạch L, vị trí thửa đất số 52, tờ bản đồ số 03, diện tích 400m² (bản đồ 299 của xã Thạch L không có loại đất, chủ sử dụng đất, không có sổ mục kê); bản đồ 371 đo vẽ năm 1995 vị trí thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m², mã loại đất “T”, sổ mục kê mang tên Dương Thị H.

Qua xác minh, trU năm 1995, không có hồ sơ lưu trữ việc thửa đất đang tranh chấp được cấp cho ai. Bà H đã sử dụng lâu dài, ổn định trên thửa đất này từ năm 1968 đến năm 2012 (thời điểm bị thu hồi đất). Trong thời gian đó, bà H đã tạo

dựng 02 gian nhà gỗ mua lại của ông Trần Hữu H và 01 căn nhà cấp 04 trên diện tích thửa đất này.

Bà H đã làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ) và được xóm Yên H, xã Thạch L lập hồ sơ niêm yết công khai. Quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, UBND xã Thạch L không nhận được phản hồi hay ý kiến khiếu nại gì. Vì vậy, ngày 20/7/1998 UBND thị xã Hà Tĩnh (nay là TP. Hà Tĩnh) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K023910, thửa đất số 697, tờ bản đồ số 2, diện tích 943m² cho bà Dương Thị H là có căn cứ theo Luật đất đai năm 1993.

Năm 2005, bà H đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Trần Đình U, bà Nguyễn Thị T. Năm 2012, Nhà nU thu hồi toàn bộ đất của bà H để xây dựng đường Vành đai khu đô thị Bắc TP. Hà Tĩnh. Quá trình làm việc thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hội đồng bồi thường và UBND phường Nguyễn D đã thực hiện việc công khai niêm yết theo quy định và không nhận được bất kỳ phản hồi, đơn thư khiếu nại của ai. Vì vậy, khẳng định rằng thửa đất trên bà H đã sử dụng ổn định, liên tục từ ngày 15/10/1993.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thửa đất số 697, tờ bản đồ số 2, diện tích 943m² tại tổ dân phố 6, phường Nguyễn D, TP. Hà Tĩnh là di sản của ông C, bà Hai. Do đó, khẳng định rằng thửa đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà H, không phải là di sản thừa kế của ông C, bà Hai để lại nên nội dung kháng cáo của nguyên đơn, ý kiến tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không được chấp nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị A (vợ ông Nguyễn Văn Đ) có đơn khiếu nại về việc cấp sơ thẩm không đưa bà A vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập họp lệ bằng văn bản nhiều lần, tuy nhiên bà A không có mặt tại Tòa án tỉnh Hà Tĩnh để làm việc và không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa, cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào kèm theo đơn khiếu nại. Do vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị A không đủ cơ sở để xem xét.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí phúc thẩm do nguyên đơn là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280, khoản 2 Điều 282 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 611, 623 Bộ Luật dân sự năm 2015 ; khoản 1, 2 Điều 2 Luật đất đai 1993; điểm đ Điều

12, điểm a khoản 7 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Dương Thị H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H, bà Trần Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Đình U, ông Lê H H, ông Nguyễn Hữu Q, bà Nguyễn Thị A.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật thửa đất số 697, tờ bản đồ số 02, diện tích 943m² (khi thu hồi 684m²) tại TDP 6, phường Nguyễn D, TP.Hà Tĩnh.

3. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, THADS cấp sơ thẩm;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền